

Các tác giả bài phân tích cho rằng việc làm sáng tỏ lập luận về “cân bằng quyền lực liên kết” sẽ đưa ra những ý tưởng mới giúp luật quốc tế có thể phát huy khả năng của mình trong tranh chấp Bỉn Đông. Trong đó, bài viết đề xuất chương trình nghiên cứu liên ngành giữa Luật quốc tế và Nghiên cứu chính sách nhằm thúc đẩy giải quyết tranh chấp trên bỉn Đông dựa trên các nguyên tắc pháp luật.



Jeffrey McGee, Khoa Luật và Viện nghiên cứu bỉn và Nam cực, Đại học Tasmania, Úc. Jeffrey.McGee@utas.edu.au

Brendan Gogarty, Khoa Lu t,  i h c Tasmania,  c. Brendan.Gogarty@utas.edu.au

Danielle Smith, Nghi n c u sinh, Khoa Lu t,  i h c Tasmania,  c. Danielle.Smith@utas.edu.au

T m t t

Nh ng tranh chấp lãnh th  t i Bi n  ng g n đây đ c coi là bi u hi n c a vi c c ng th ng đ a ch nh tr  gi a M  và Trung Qu c ngày càng gia t ng. T  đó, nhi u nh  hi n th c l p lu n r ng, trong khi lu t pháp qu c t  ch  đóng vai trò th  y u, cân b ng quy  n l c m i là nh n t  quy t đ nh k t qu  c a các tranh chấp này. Nghi n c u lu t pháp qu c t  ch nh th ng không đ  m nh đ  ph n bi n b nh lu n vì nó h u nh  đã b  qua m i quan h  gi a lu t pháp và quy  n l c. Tuy nhi n, m t s  h c gi  hàng đ u trong l ch s  ngành lu t qu c t  và quan h  qu c t  t  lâu đã l p lu n r ng “cân b ng quy  n l c liên k t” gi a các qu c gia là đ u ki n ti n đ  cho vi c v n hành hi u qu  lu t qu c t . Bài vi t cho r ng vi c làm s ng l i l p lu n v  “cân b ng quy  n l c liên k t” s  đ a ra nh ng ý t ng m i giúp lu t qu c t  có th  phát huy kh  n ng c a mình trong tranh chấp Bi n  ng. T  đó, bài vi t đ  xu t ch ng trình nghi n c u liên ngành gi a Lu t qu c t  và Nghi n c u chi n l c nh m thúc đ y gi i quy t tranh chấp trên bi n  ng đ a trên các nguyên t c pháp lu t.

T  khoá: Bi n  ng-C ng  c Lu t bi n (UNCLOS)-Lu t qu c t - Cân b ng quy  n l c liên k t- V  *Philippines ki n Trung Qu c*.

I. Gi i thi u

Trong phán quy t m i đây c a To  Tr ng tài v  v  Philippines ki n Trung Qu c [\[1\]](#)

(ḡi t̄t là v̄ kīn Bīn ̄ng, v̄ kīn đ̄c b̄t đ̄u theo Công ̄c Liên h̄p qūc v̄ Lūt bīn n̄m 1982

[\[2\]](#)

-UNCLOS), chúng ta có th̄ th̄y n̄ l̄c s̄ d̄ng các quy đ̄nh c̄a Lūt qūc t̄ đ̄ gīi quȳt tranh ch̄p t̄n t̄i gīa hai qūc gia có các yêu sách khác nhau liên quan đ̄n kīm soát lãnh th̄ và s̄ d̄ng các vùng bīn t̄i Bīn ̄ng. V̄ kīn Bīn ̄ng đ̄c bình lūn là m̄t trong nh̄ng phán quȳt lūt qūc t̄ đáng chú ý nh̄t trong th̄p k̄ qua. Lý do là vì Trung Qūc quȳt đ̄nh không ch̄p nh̄n th̄m quȳn c̄a toà và không tham gia vào th̄ t̄c tr̄ng tài. Phán quȳt c̄a Toà tr̄ng tài th̄ hīn s̄ ph̄n đ̄i m̄nh m̄ t̄ góc đ̄ pháp lý đ̄i v̄i h̄u h̄t các yêu sách c̄a Trung Qūc v̄ các quȳn lãnh th̄ đ̄i v̄i các th̄c th̄ trên bīn ̄ng và nh̄ng yêu sách r̄ng l̄n h̄n liên quan đ̄n các quȳn l̄ch s̄ t̄i khu v̄c đ̄c ḡi là “đ̄ng chín đ̄n

[\[3\]](#)

”.

Trung Qūc ph̄n ̄ng đ̄i v̄i v̄ kīn Bīn ̄ng b̄ng vīc l̄ đi quá trình t̄ t̄ng và n̄i dung c̄a phán quȳt. [\[4\]](#) Trung Qūc đ̄a ra ch̄t v̄n v̄ thīn chí (bona fides) c̄a Toà Tr̄ng tài và ch̄ ra r̄ng Trung Qūc không tuân th̄ phán quȳt c̄a Toà nh̄ng s̄ m̄ r̄ng hōt đ̄ng trên Bīn ̄ng. [\[5\]](#) Trên th̄c t̄, ngay sau khi Toà công b̄ Phán quȳt, Trung Qūc đã tīn hành dīn t̄p h̄i quân t̄i khu v̄c v̄i Nga.

[\[6\]](#)

̄īu này v̄t ra ngoài dīn bīn th̄ng th̄y trong gīi quȳt tranh ch̄p qūc t̄ gīa các qūc gia.

S̄ có nhīu bài vīt c̄ng nh̄ phân tích c̄a các lūt s̄ qūc t̄, bao ḡm c̄ nh̄ng tác gī tham gia s̄ đ̄c bīt này, v̄ v̄ kīn tr̄ng tài Bīn ̄ng, c̄ng nh̄ vīc áp đ̄ng các chi tīt k̄ thūt liên quan t̄i vīc áp đ̄ng các quy đ̄nh c̄a lūt qūc t̄ vào v̄ kīn. Hàm ý trong vīc phân tích tranh ch̄p Bīn ̄ng t̄ góc đ̄ c̄a lūt qūc t̄ là n̄u Toà PCA làm đ̄ng ch̄c trách v̄ m̄t pháp lý c̄a mình, theo đó, các qūc gia đ̄c khuȳn khích đ̄a ra nh̄ng l̄p lūn pháp lý chính xác, các tranh ch̄p lãnh th̄ có th̄ đ̄c gīi quȳt m̄t cách hoà bình.

Bài báo thách th̄c gī thīt k̄ trên khi đ̄t ra câu h̄i v̄ vīc līu r̄ng k̄ v̄ng quá cao đ̄i v̄i kh̄ n̄ng lūt qūc t̄ có th̄ kīn t̄o hoà bình trong b̄i c̄nh hīn nay, có th̄ đ̄n t̄i nguy c̄ b̄ qua các bài h̄c quan tr̄ng trong quá kh̄ hay không. Áp đ̄ng l̄ng kính “hīn th̄c” cho lūt qūc t̄, nh̄ cách đ̄nh ngh̄a c̄a các h̄c gī lūt pháp và quan h̄ qūc t̄, bài vīt đ̄ xūt r̄ng c̄n xem xét các v̄n đ̄ c̄n b̄n v̄ quȳn l̄c c̄n đ̄c xem xét tr̄c khi k̄ v̄ng lūt qūc t̄ có th̄ đóng vai

trò quan trọng trong giới quyết hoà bình các tranh chấp kể trên.

Bài viết công nhận rằng “quyền lực” là một khái niệm gây tranh cãi trong khoa học xã hội và có nhiều cách hiểu khác nhau liên quan đến việc liệu rằng khái niệm này chỉ thuần túy liên quan tới khía cạnh vật chất hay còn bao hàm cả các vấn đề thuộc về tinh thần. [7] Trong nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra quan điểm rằng sức mạnh vật chất và tinh thần có mối tương quan chặt chẽ với nhau, do đó tinh thần và quyền lực mà chúng tôi đưa vào bao gồm “quyền lực cứng” (hard power, như sức mạnh quân sự và kinh tế) và “quyền lực mềm” (soft power như khả năng định hình chương trình hành động và các ý tưởng). [8] Việc xem xét các tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông cần được xem xét trong bối cảnh có sự gia tăng đáng kể sức mạnh tương đối của Trung Quốc tại khu vực. Nhân tố đầu tiên thúc đẩy quá trình gia tăng sức mạnh quân sự

của Trung Quốc là tốc độ tăng trưởng và công nghiệp hoá nhanh chóng của nền kinh tế nước này với mức tăng hàng năm lên tới 10% tăng sản phẩm quốc nội từ năm 1979 đến năm 2014.

[9]

Điều này có nghĩa rằng

cứ sau tám năm, sức mạnh kinh tế của Trung Quốc lại tăng lên gấp đôi.

[10]

Mức dù đã chậm lại trong thời gian gần đây, tốc độ tăng trưởng thực của Trung Quốc vẫn đạt tới là 6,9% vào năm 2015

[11]

, 6,7% vào năm 2016

[12]

và dự kiến là 6,2% vào năm 2017.

[13]

Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới và với tốc độ tăng trưởng kinh tế hiện nay, dự kiến nước này sẽ vượt Mỹ, trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2026

[14]

. Chỉ tiêu quốc phòng của Trung Quốc đã tăng lên đáng kể, tính đến nay, Trung Quốc có mức chi tiêu quốc phòng quân sự hàng năm lớn thứ hai thế giới, chiếm 13% chi tiêu quân sự toàn cầu.

[15]

Sự tăng trưởng kinh tế đáng chú ý và mức tăng năng lực quân sự đã giúp Trung Quốc có ảnh hưởng ngày càng lớn với một địa chính trị tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, thể hiện rõ qua việc nước này giữ vai trò lãnh đạo trong việc thành lập Ngân hàng đầu tư châu Á

[16]

, một lựa chọn có thể thay thế cho các thiết chế tài chính do Mỹ sáng lập

[17]

hay xây dựng các cơ sở quân và dân sự tại các thực thể tranh chấp trên Biển Đông.

[\[18\]](#)

Chúng tôi cho rằng việc áp dụng các nguyên tắc luật quốc tế trong UNCLOS bước đầu được xem xét trong bối cảnh rằng liên với việc Trung Quốc gia tăng sức mạnh tại Châu Á-Thái Bình Dương.

Trên thực tế, luật quốc tế không những không tách rời mà là một trong những dòng luật chủ yếu ảnh hưởng nhiều nhất tới các yếu tố quốc gia, chính trị và kinh tế. Do đó, luật quốc tế không thể là nguồn kiến tạo hoà bình duy nhất trong lĩnh vực quốc tế, đặc biệt là những vấn đề như Biển Đông. Bài viết lập luận rằng cần phải xem xét các khía cạnh của luật quốc tế trong bối cảnh “cân bằng quy nạp liên kết” của công đồng quốc tế. Bài viết cũng cho rằng tình trạng cân bằng quy nạp liên kết sẽ cung cấp những điều kiện hình thành nên các quy định có thể đổi mới cách công bằng cho lợi ích của tất cả các quốc gia, hơn là phục vụ một quốc gia bá quyền. Tuy đó, tạo ra các điều kiện thông qua giữa các quốc gia và tạo dựng nghĩa vụ pháp lý thúc đẩy các quốc gia tuân thủ các nguyên tắc pháp luật mặc dù có các tính toán về lợi ích riêng. Bài viết đề xuất rằng không nên quá đổ dồn vào luật quốc tế như là một nhân tố quyết định hoà bình các tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông nếu như các vấn đề cơ bản hơn liên quan đến việc tái thiết cân bằng quy nạp liên kết tại Châu Á-Thái Bình Dương không được giải quyết. Một dự án liên ngành giữa luật quốc tế và nghiên cứu chính sách nên là một hướng mới trong việc phân tích và đưa ra những hàm ý chính sách là cần thiết trong trường hợp này.

Nghiên cứu gồm các phần như sau: Mục II và III cung cấp nền tảng lịch sử của tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông và toàn cảnh về vấn đề kiến tạo hoà bình cùng với phần ứng của các quốc gia quan trọng trong khu vực đối với phán quyết của Tòa Trọng tài. Phần ứng của các nước cho thấy sự không đồng nhất trong khu vực sau phán quyết. Trong Mục IV, nghiên cứu sẽ trình bày một số hiệu quả và mối quan hệ giữa luật và quy nạp liên kết trong lĩnh vực pháp lý, đồng thời sẽ đánh giá về thực tiễn nguyên và cách hiệu ứng quanh những nội dung của luật quốc tế cũng như khái niệm “cân bằng quy nạp liên kết.” Trong Mục V, nghiên cứu sẽ đánh giá tại sao việc phân tích cân bằng quy nạp liên kết có vai trò quan trọng để hiểu những khía cạnh của luật quốc tế có thể được áp dụng trong nhiều tranh chấp lãnh thổ phức tạp như ở Biển Đông. Nghiên cứu cho rằng “cân bằng quy nạp liên kết” tại Châu Á-Thái Bình Dương đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nghĩa vụ giữa các quốc gia thành viên có tiếng nói trong việc tuân thủ các quy định của luật quốc tế. Trong mục VI, chúng tôi kết luận thông qua việc lý giải tại sao phân tích về cân bằng quy nạp liên kết có thể mở ra những cơ hội cho các nhà hoạch định chính sách quan tâm tới vai trò của luật quốc tế tại Biển Đông.

II. Tình hình tranh chấp t̄i Bīn ̄ng

1. Tình hình chung

V̄ trí đ̄a lý c̄a Bīn ̄ng và t̄m quan tr̄ng đ̄i v̄i v̄n t̄i khu v̄c và hàng h̄i đã đ̄c tác gī White vīt trong t̄p san này. [19] Tuy nhiên, c̄n ph̄i nh̄n m̄nh r̄ng, Bīn ̄ng là bīn chung gīa Trung Qūc, Philippines, Vīt Nam, Malaysia, Brunei, Singapore và Indonesia (nh̄ng qūc gia ven bīn), đ̄ng th̄i là m̄t trong nh̄ng khu v̄c đông dân và đ̄c quân s̄ hoá m̄nh m̄ nh̄t th̄ gīi.

[20]

Bīn ̄ng c̄ng là m̄t trong nh̄ng khu v̄c bīn có s̄ đa d̄ng sinh h̄c nh̄t

[21]

và m̄t ngūn th̄c ph̄m giàu có cho các qūc gia ven bīn k̄ trên.

[22]

Nh̄ng nhân t̄ này đã t̄o ra các c̄ng th̄ng đ̄a chính tr̄ c̄ng nh̄ tranh chấp lãnh th̄ trên Bīn ̄ng

C̄ng th̄ng gīa Philippines và Trung Qūc t̄i Bīn ̄ng liên quan t̄i m̄t nhóm th̄c th̄ đ̄o t̄i khu v̄c phía Nam đ̄c ḡi tīng Anh là Spratlys (Tr̄ng Sa).

Trong ph̄n l̄n các tr̄ng h̄p, các th̄c th̄ đ̄u ̄ trên hōc đ̄i m̄c n̄c bīn. [

23]

M̄t vài qūc gia ven bīn yêu sách đ̄i v̄i qūn đ̄o Tr̄ng Sa và nhóm đ̄o khác trên bīn. Nh̄ng yêu sách đó tr̄ nên th̄ng xuyên trong th̄ k̄ th̄ 20 sau chīn tranh th̄ gīi th̄ hai. (xem bình lūn ph̄n sau).

2. Yêu sách đ̄ng chín đ̄n c̄a Trung Qūc

N̄m 1948, b̄n đ̄ chính th̄c đ̄u tiên c̄a Trung Hoa Dân qūc (ROC), có s̄ xūt hīn c̄a qūn đ̄o Tr̄ng Sa, có tên là “B̄n đ̄ ch̄ v̄ trí các đ̄o trên Bīn ̄ng” đ̄c xūt b̄n. [24]

B̄n đ̄ th̄ hīn đ̄ng

đ̄t

đ̄n bao quanh qūn đ̄o Tr̄ng Sa và nh̄ng th̄c th̄ khác trên Bīn ̄ng đ̄c m̄ r̄ng t̄ lãnh th̄ đ̄t līn c̄a Trung Qūc. Tuy nhiên, không có s̄ liên t̄c nào trong qūng đ̄ng gīa các đ̄ng và các th̄c th̄ trên bīn mà đ̄ng đó bao quanh. Theo Hình 1, trong ph̄n l̄n các tr̄ng h̄p, các đ̄ng n̄i līn ḡn v̄i

đường biển của các nước ven biển

[\[25\]](#)

hình là các thực thể đảo đá. Sau đó, nhiều phiên bản bản đồ được

Trung Hoa Dân quốc

(ROC) và sau đó là CHND Trung Hoa (PRC) liên loạt công bố, những phiên bản bản đồ thể hiện chín đường quanh từng khu vực yêu sách

[\[26\]](#)

(mặc dù kích thước và vị trí của các khu vực này cũng thay đổi). Tiếp đó, điều này cũng liên quan tới yêu sách đường chín đảo và xét theo vẻ ngoài là gần như hết biển Đông với lãnh thổ yêu sách của Trung Quốc. Cả CHND Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc

đều không làm rõ cơ sở pháp lý của các đường

đường

đường này. Tuy nhiên, khu vực mà đường chín đảo này bao quanh có diện tích gần 2 triệu km².

[\[27\]](#)

Tuỳ theo cách tính toán, khu vực đó chiếm tới 60%-80% không gian biển Đông.

[\[28\]](#)

Sau Cách mạng văn hoá Trung Quốc và sự kiện Pháp rút khỏi Việt Nam (nước ban đầu có yêu sách đối với khu vực như một phần thuộc chính quyền thực dân những năm 1950), tranh chấp đối với quần đảo Trường Sa ngày càng gia tăng. Quá trình sáp nhập, chia rẽ, thống nhất và hình thành các quốc gia ven biển giai đoạn hậu chiến và hậu thực dân đã khiến các yêu sách và phần yêu sách đối với chủ quyền ở Biển Đông trở nên ngày càng phức tạp. Tất cả các quốc gia đưa ra các yêu sách cũng liên tục xuất phát từ việc sử dụng và yêu sách chủ quyền từ thế kỷ 19. [\[29\]](#)

Mỗi quốc gia đều thể hiện các yêu sách của mình qua việc thực hiện hoặc nỗ lực thực hiện chiếm đóng một cách có chủ ý, từ đó thường dẫn đến xung đột giữa các quốc gia thành viên. Trong trường hợp của Trung Quốc, Việt Nam và Philippines, những xung đột như vậy thường dẫn đến sự đối đầu và gây ra nhiều mất mát từ các vụ đụng độ trên và quanh các thực thể đá lý trên biển.

[\[30\]](#)

....

... toàn bộ bản dịch [tới đây](#).

Bài vīt đ̄c đ̄ng tr̄n [Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy](#) .

Lan H̄ng (đ̄ch)

Lê Hà (hīu đ̄nh)

[1] V̄ v̄n đ̄ tr̄ng tài tr̄c Tō tr̄ng tài đ̄c th̄nh l̄p theo Ph̄ l̄c VII Công ̄c Līn H̄p qūc v̄ Lūt bīn n̄m 1982 (C̄ng hō Philippines kīn CHND Trung Hoa),

Tō tr̄ng tài thūng tr̄c v̄ s̄
2013-19, Phán
quȳt v̄ Th̄m quȳn và kh̄ n̄ng th̄ lý
, 29

/10/
2015 (‘
Phán

quȳt v̄
Th̄m quȳn và kh̄ n̄ng th̄ lý’
);

V̄
v̄n đ̄ tr̄ng tài tr̄c Tō tr̄ng tài đ̄c th̄nh l̄p theo Ph̄ l̄c VII Công ̄c Līn H̄p qūc v̄ Lūt bīn n̄m 1982 (C̄ng hō Philippines kīn CHND Trung Hoa)

Tō tr̄ng tài thūng tr̄c v̄ s̄
2013-19, Phán

quȳt
, 12

/7/
2016 (

Phán
quy^ot

).

[2] Công ^oc Li^on H^op qu^oc v^o Lu^ot bi^on, đ^oc thông qua ngày 10/12/1982, 1833
unts 3, có
hi^ou l^oc ngày 16/11/1994. (G^oi t^ot là UNCLOS).

[3] ^ong chín đ^on ch^o đ^ong phân đ^onh đ^oc Chính ph^o n^oc C^ong Hoà Trung
Hoa và sau đó là n^oc Chính ph^o CHND Trung Hoa s^o đ^ong nh^om th^o hi^on yêu sách
c^oa h^o đ^oi v^oi Bi^on ^ong. Tham kh^o Department of State Bureau of
Oceans and International Environmental and Scientific Affairs, 'Limits in the Seas',
No. 143, China: Maritime Claims in the scs, 5
/12/
2014, Office of Ocean and Polar Affairs Bureau of Oceans and International
Environmental and Scientific Affairs, tr.2.

[4] Tham kh^o Xinhuanet, Toàn v^on Tuyên b^o c^oa B^o Ngo^oi giao Trung Qu^oc v^o
Phán quy^ot V^o ki^on Bi^on ^ong do Philippines kh^oi x^ong, 12/7/2016
, trên trang http://news.xinhuanet.com/english/2016-07/12/c_135507744.htm.

[5] Tham kh^o Reuters, China vows to protect scs sovereignty, Manila upbeat, 14/7
/
2016, trên trang
<http://www.reuters.com/article/us-southchinasea-ruling-stakes-idUSKCN0ZS02U>.

[6] Tham kh^o Reuters, China, Russia naval drill in scs to begin Monday, 11/9/2016
, trên trang
<http://www.reuters.com/article/us-southchinasea-china-russia-idUSKCN11H051>.

[7] Stephen Lukes, Power: A Radical View, 2nd edition, (Palgrave McMillan, 2005),
tr.14–59.

[8] Joseph S. Nye, *Soft Power: The Means to Success in World Politics* (PublicAffairs, 2006), tr.99–126.

[9] Wayne M. Morrison, 'China's Economic Rise: History, Trends, Challenges, and Implications for the United States' (2015), Congressional Research Service Report, tr.5.

[10] Như trên.

[11] Tham khảo IMF World Economic Outlook tháng 10/2016, trên trang <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2016/02/>.

[12] Tham khảo World gdp Ranking 2016, trên trang <https://knoema.com/nwnfkne/world-gdp-ranking-2016-data-and-charts-forecast>.

[13] Tham khảo 2017 Economic Statistics and Indicators, trên trang <http://www.economywatch.com/economic-statistics/year/2017/>.

[14] Tham khảo China and the us: Tale of Two Giant Economies, 12/5/2016, trên trang <http://www.bloomberg.com/graphics/2016-us-vs-china-economy/>.

[15] Tham khảo Military expenditure, trên trang <https://www.sipri.org/research/armament-and-disarmament/arms-transfers-and-military-spending/military-expenditure>. Từ năm 1990, Trung Quốc đã tăng tiêu dùng quân sự từ 6,1 tỷ USD lên 11,3 tỷ USD vào năm 2013, trên trang <http://www.globalsecurity.org/military/world/china/budget-table.htm>. Tháng 2/2016, Trung Quốc thông báo rằng Trung Quốc sẽ tăng chi tiêu quốc phòng thêm 7,6%, đây là mức tăng thấp nhất trong sáu năm qua. Ngân sách 146,7 tỷ USD sẽ được sử dụng nhằm bảo vệ các quyền lợi trên biển của Trung Quốc trên Biển Đông,

trên trang

<http://www.globalsecurity.org/military/world/china/budget.htm>. Mặc dù

Trung Quốc tăng cường tiêu dùng quân sự thì vẫn đứng thứ hai sau Mỹ.

Với ngân sách quốc phòng lớn nhất thế giới,

năm 2015, Mỹ đã chi 597,5 tỷ USD trong khi Trung Quốc chỉ chi 145,8 tỷ USD, trên trang

<https://www.iiss.org/en/publications/military%20balance/issues/the-military-balance-2016-d6c9>.

[16] 57 quốc gia đã tham gia Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB), với Trung Quốc, với tỷ lệ đóng góp là 28,9%. Tham khảo AIIB, tại <https://www.aiib.org/en/about-aiib/governance/members-of-bank/index.html>.

[17] Tham khảo The Economist, Why China is creating a new “World Bank” for Asia, 11 /11/2014, trên trang

<http://www.economist.com/blogs/economist-explains/2014/11/economist-explains-6>.

[18] Tham khảo The Wall Street Journal, China to Build Military Facilities on scs Islets, 16 /6/2015, trên trang

<http://www.wsj.com/articles/china-to-build-military-facilities-on-south-china-sea-islets-1434436700>.

[19] Michael White, ‘South China Sea: Its Importance for Shipping, Trade, Energy and Fisheries’ (2017) 1(3) *Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy*, (sổ p xuất bản).

[20] International Hydrographic Organization (IHO), Limits of Oceans and Seas, 3rd edition (IHO, 1953).

[21] Cheng Hsin, Hơn 2500 loài cá biển và 500 loài san hô tạo ra đá có mặt ở khu vực này. Tham khảo Jiang, Y and Xue, X. ‘Building a cross-strait cooperation mechanism for the conservation and management of fishery resources in the scs’ (2015) 116 *Ocean & Coastal Management*, 318–330, tr.318.

[22] Tham khảo National Geographic, One of the World's Biggest Fisheries is on the Verge of Collapse, 29 /8/2016, trên trang <http://news.nationalgeographic.com/2016/08/wildlife-south-china-sea-overfishing-threatens-collapse/>.

[23] Bao gồm bãi cạn, đá san hô và bãi ngầm. 14 thực thể địa lý được coi là “đảo” hoặc “đảo nhỏ” tồn tại trong bãi san hô này, nhưng không có khả năng tự nhiên duy trì đời sống con người, và có khả năng bị ngập. Xét từ khía cạnh lịch sử, quần đảo Trường Sa được đánh dấu là khu vực nguy hiểm và các thực thể đi biển luôn tránh. Tham khảo National Geospatial-Intelligence Agency (ngia), Pub. 161: Sailing Directions (Enroute) scs and the Gulf of Thailand, Fifteenth Edition, (ngia, 2014), tr .4 và 19.

[24] Như trên, Phán quyết, tr. 71[181].

[25] Các biệt là Việt Nam, Brunei, Malaysia, Philippines và Đài Loan.

[26] Như trên, US Department of State Bureau of Oceans and International Environmental and Scientific Affairs, tr. 2.

[27] Như trên, tr.4.

[28] Như trên.

[29] Do đó, Việt Nam yêu sách các quy định về Biển Đông và các đảo khác khi vi phạm đến yêu sách của Thúc dân Pháp. (CHND) Trung Quốc yêu sách phần Biển Đông thuộc quyền lợi cho Trung Quốc từ phía Nhật Bản sau Thế chiến II. Đài Loan cũng đưa ra yêu sách riêng về yêu sách của Trung Quốc dựa trên yêu sách chung lên với toàn Trung Quốc. Philippines liên hệ danh nghĩa về yêu sách về Trường Sa bởi mặt trong công dân chiếm đóng hậu hiệu từ về bên ngoài vào những năm 1950-trong thời gian Philippines cho rằng biệt về yêu sách của

quyền trợ cấp đây của các công quốc châu Á và thực dân đã bị loại bỏ.

Tham

khảo,

Hong Thao Nguyen 'Vietnam's Position on the Sovereignty over the Paracels & the Spratlys: Its Maritime Claims' (2012) 1 Journal of East Asia International Law, 165–212; Ross Marlay 'China, the Philippines, and the Spratly Islands' (1997) 23:4 Asian Affairs: An American Review, 195–210, tr.204–205.

[\[30\]](#) Trung Quốc và Việt Nam, trên thực tế đã tiến hành hai cuộc đối đầu riêng rẽ trong thế kỷ trước, một lần ở quần đảo Trường Sa và một lần ở Hoàng Sa (nằm trong cái gọi là đường chín đôn). Cả hai cuộc xung đột đều gây ra những vong, Việt Nam chịu những vong cao hơn. Tham khảo Marlay, 'China, the Philippines, and the Spratly Islands', tr.196–204.